

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÚI THÀNH
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 300/2017/HNGĐ-ST

Ngày 15/9/2017

Vv “*ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÚI THÀNH, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hoàng Trà**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Phan Thị Thanh Dung**

Ông Dương Minh Ngọc

- Thư ký phiên tòa: ông **Đặng Tư Thành** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Núi Thành;

Ngày 15 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Núi Thành xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 173A/2017/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2017 về việc về việc “*ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị **Lê Thị N**, sinh năm 1990; có mặt

Trú tại: thôn P, xã Tam Hiệp, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

- Bị đơn: anh **Trương Công P**, sinh năm 1989; có mặt

Trú tại: thôn P, xã Tam Hiệp, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 6 năm 2017, bản tự khai và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Lê Thị N trình bày: Chị N và anh P tự nguyện tìm hiểu và đến với nhau có đăng ký kết hôn theo quy định tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Nho, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An vào năm 2012. Sau khi kết hôn hai người chung sống với nhau tại nhà cha mẹ anh P ở thôn Phái Nhơn, xã Tam Hiệp, huyện Núi Thành đến năm 2013 thì ra ở riêng. Đến năm 2015 thì giữa hai người phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do chị N thường xuyên bị anh P đánh đập và anh P còn đánh đập bạn chị N. Chị N thấy quá chán nản với cuộc sống hôn nhân như thế và thấy không còn tình cảm với anh P nên đã bỏ con về nhà cha mẹ để ở ngoài Nghệ An sống từ đầu năm 2017 đến nay. Hai người không còn sống chung, không còn quan tâm, chăm sóc, lo lắng cho nhau. Chị N thấy không còn tình cảm với anh P, không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân nên yêu cầu được ly hôn;

Khi ly hôn chị N yêu cầu tòa án giải quyết:

- Về con chung: yêu cầu được nuôi con chung tên Trương Công A, sinh ngày 25 tháng 01 năm 2013 đến khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con;

- Về tài sản chung: không có;

- Về nợ chung và cho vay, mượn nợ: không có;

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn Trương Công P trình bày: Về quan hệ hôn nhân đúng như chị N trình bày, tuy nhiên nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh P nhiều lần đọc được tin nhắn trong điện thoại của chị N thể hiện chị N ngoại tình nhưng khi anh P hỏi nhưng chị N nói không có nên anh P bực tức có đánh chị N mấy tát tai. Trước khi chị N bỏ con về quê thì chị N bảo anh P lên nhà cha mẹ anh P đón con về để chị N đi lấy thuốc, anh P gọi điện cho chị N về nhưng chị N đi với bạn đến khuya mới về nên anh P tức giận đẩy bạn chị N ngã giữa đường. Vài ngày sau, chị N nói với anh P chở con đi lấy sổ bảo hiểm nhưng lại bỏ con về quê ngoài Nghệ An sống đến nay. Anh P và mẹ anh P đã ra Nghệ An đón chị Nghĩa trở về trong này sống nhưng chị N không về mà nhất quyết ở lại quê và yêu cầu ly hôn. Anh P thấy có nhiều điều sai, đã biết sai đã xin lỗi và mong muốn trở về đoàn tụ. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh P yêu cầu được nuôi con chung tên Trương Công A, sinh ngày 25 tháng 01 năm 2013 đến khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung và cho vay mượn nợ: không có. Ngoài ra anh P không trình bày gì thêm;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: chị N và anh P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Nho, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An nên hôn nhân giữa hai người là hợp pháp. Chị N và anh P cư trú tại xã Tam Hiệp, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam nên chị N khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Núi Thành theo quy định tại điều 35 và điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Núi Thành thụ lý giải quyết vụ án về “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” là phù hợp theo quy định tại điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Sau khi thụ lý và trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo luật định, đã triệu tập chị N, anh P đến hòa giải nhưng các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Do các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau nên Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và đã tổng đạt hợp lệ cho các bên đương sự và tại phiên tòa có mặt các bên đương sự nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án là phù hợp với quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: trong quá trình chung sống, giữa chị N và anh P thì phát sinh mâu thuẫn và hai người không tự khắc phục được nên dẫn đến việc chị Nghĩa yêu cầu ly hôn. Theo đơn xin xác nhận và trong quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa thể hiện: nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh Phu thường xuyên đánh đập chị N, trong gia đình anh P, cha mẹ và con cái thường xuyên gây sự với nhau. Chị N thấy chán nản với cuộc sống hôn nhân và thấy không còn tình cảm với anh P nên đã bỏ con bỏ về nhà mẹ đẻ ngoài Nghệ An sống từ đầu năm 2017 đến nay. Giữa chị N và anh P không còn chung sống, chăm sóc cho nhau. Tòa án cũng đã triệu tập anh P và chị N đến giải quyết và trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa đã động viên hai người về đoàn tụ xây dựng cuộc sống nhưng chị N vẫn cương quyết ly hôn, không muốn trở về đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị N và anh P đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị N yêu cầu ly hôn theo quy định tại điều 51 và 56 luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: trong thời kỳ hôn nhân giữa chị N và anh P có một con chung tên Trương Công A, sinh ngày 25 tháng 01 năm 2013 hiện tại đang ở cùng với chị N. Khi ly hôn chị Nghĩa yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy về điều kiện nuôi con thì cả anh P và chị N đều đảm bảo. Tuy nhiên cháu A còn nhỏ và đang sống cùng với chị N, được chị N chăm sóc từ trước đến nay và cháu A mới đi học mẫu giáo. Để bảo đảm việc học hành và các điều kiện cho sự phát triển tốt về tinh thần cũng như thể chất của cháu A nên cần tiếp tục giao cho chị N nuôi dưỡng theo quy định tại điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con và giữa hai người không thỏa thuận về việc cấp dưỡng nên anh P không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh P có quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, một trong hai người có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng;

[4] Về tài sản chung: không có nên không giải quyết;

[5] Về nợ chung và cho vay mượn nợ: không có nên không giải quyết;

[6] Về án phí: chị Lê Thị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 28; điều 35, điều 39; điều 147 và điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 37, 51, 56, 81 và điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị N về “*ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” đối với bị đơn anh Trương Công P;

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị N và anh Trương Công P;

2. Về con chung: giao cho chị Lê Thị N được nuôi con chung tên Trương Công A, sinh ngày 25 tháng 01 năm 2013 đến khi đủ 18 tuổi, anh P không phải cấp dưỡng nuôi con;

Anh P có quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, một trong hai người có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng;

3. Về tài sản chung: không có.

4. Về nợ chung: không có;

Về án phí: chị Lê Thị N phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp ngày 14 tháng 6 năm 2017 theo biên lai thu số 0001422 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Núi Thành.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm, chị N và anh P có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Núi Thành;
- THADS huyện Núi Thành;
- UBND xã Thanh Nho;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoàng Trà